

Bài 23: Hoa Tiên

BÀI TRÍCH

Lương Sinh Trở Lại Nhà Dương Giao Tiên

*Sinh từ núp nấu **phần hương**,
Trời thu ba cũ, **doành Tương một ngày**.
Bụi trông muôn học **chất đầy**,
Cánh nào bay đến **ngỏ bày trước trang**.
Liệu có ra **lạy tôn đường**,
Tràng Châu xin lại tìm **sang cữu trình**.
Được lời theo **lối thủy hành**,
Thẳng giong **buồm lá, thênh thênh xuôi dòng**.
Sông nguyên, **bể dạn trùng trùng**,
Phụ phàng **nọ những thẹn thùng nước non**.
Vườn riêng còn **thú cầm tôn**,
Hoàng Diêu, **Tử Ngụy vẫn còn chưa phai**.
Cành trông **cối ngắm chờ ai**,
Đây song **tuyệt điểm hoa mai trắng ngàn**.
Lân sang **thăm thú vườn gần**;
Một vùng **cỏ biếc, mấy làn cửa son**.
Lơ thơ **cây cối cành non**
Rêu in **cầu đá, tuyết mòn lối thom**.
Lầu thơ **khói tỏa mây trùm**,
Chôi sai **thưa bể, khóm sòn vắng via**.
Biết ai **hầu hỏi sự duyên**,
Viên ông **đã thấy trong miền vò ra**.
Mon men **thăm hỏi gần xa**,
Mới tường **môn mạch, nay đà phó kính**.
Ngán chiều **lã chã đôi doành**,
Buồn nương **bên triện, dạo quanh khắp tòa**.
Bản **khoản đến trước đình Ba**,
Lương không **yến đẽ, song tà nhện giăng**.
Dấu thơ **vách hầy dăng dăng**,
Xã thơ **cách mấy mươi từng người thơ**,
Hiên cài **lác đác sao thưa**,*

Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng
 Mây dương liễu, mặt phù dung,
 Ngắm hoa thêm nhấc tấm lòng sinh lý.
 Trăng thè vẫn đỏ chị chi,
Liễu Chương Đài biết nay đi đâu rồi?
 Mừng xuân đào hỡi ngậm cười,
 Về hồng trơ đó, mặt người nào đâu?
 Khi sao son gác, phấn lầu,
 Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương.
 Ấy ai dập lửa vùi hương?
 Để ai nát đá, phai vàng với ai?

Chú Thích

- Phản hương:* (Do chữ: *Phản du* tức là tên hai thứ cây trồng ở nhà quê) chỉ chỗ quê hương.
- Trời thu ba cũ, doành Tương một ngày:*
 Do câu: “*Nhất nhật bất kiến như tam thu hề*” (một ngày không thấy như ba thu vậy). Vậy ở đây nghĩa là: Một ngày xa nhau tưởng như đã ba năm. Chữ “doành Tương” là để chỉ sự xa cách của đôi tình nhân.
- Trước trang:* Chỗ người đàn bà trang điểm. Đây chỉ chỗ ở của Dương Giao Tiên.
- Tôn đường:* Cha mẹ.
- Cựu trình:* Đường cũ.
- Cầm tôn:* (*Cầm*: đàn; *tôn*: chén rượu) thú đánh đàn và uống rượu.
- Lã chã đôi doành:* (*Doành*: dòng nước) hai dòng nước mắt rơi lã chã.
- Đình Ba:* Tức là “Vọng Ba Đình” trong vườn nhà Dương Giao Tiên.
- Lương:* Xà nhà.
- Dấu thơ:* Dấu vết hai bài thơ “vịnh liễu” của Lương Sinh và Dương Giao Tiên ngày trước khi chưa thề ước với nhau.
- Liễu Chương Đài:* Chỉ người tình nhân, do câu trong bức thư của Hàn Hoàn gửi cho Liễu Thị (tình sử): *Chương Đài liễu! Tích nhật thanh thanh kim tại phủ?* Câu liễu Chương Đài ngày xưa xanh xanh, nay còn không?

Đại Ý

Lương Sinh từ khi về thăm quê nhà, trong lòng sầu muộn, bao giờ cũng nhớ đến người cũ là Giao Tiên nên lại xin phép cha mẹ trở lại Tràng Châu. Đến nơi thấy cảnh vườn nhà họ Dương vắng vẻ, hỏi ra mới biết rằng cả nhà Dương Giao Tiên đều thăng kinh. Cảnh cũ với bao kỷ niệm êm đềm ngày trước làm cho Lương sinh thêm buồn bã và thương nhớ.

Giải Thích Và Phê Bình

Trước hết tác giả cho ta biết Lương Sinh nhớ Giao Tiên nên xin phép cha mẹ trở lại Tràng Châu. Trong khi xuôi dòng thấy cảnh nước non, chàng phập phồng e ngại vì mình đã phụ lời thề ước (đính hôn với Lưu Ngọc Khanh). Đến nơi, trước nhất chàng thấy cảnh vườn riêng của chàng tuy vắng chủ nhưng vẫn còn tươi tốt:

Hoàng Diêu, Tử Ngụy vẫn còn chưa phai.

Cảnh ấy thật trái ngược với cảnh nhà Dương Giao Tiên. Ở đây chỉ còn là một nơi hoang vắng, cỏ mọc tràn, rêu phủ lối đi, cây cối um tùm, không ai săn sóc đã lâu ngày. Lương Sinh tìm hỏi nguyên do của sự biến đổi tang thương ấy thì biết rằng Giao Tiên đã theo gia đình lên ở kinh đô. Nỗi buồn thấm thía khi được tin ấy làm cho chàng không ngăn được đôi giòng lệ. Chàng đi quanh quất, dừng lại những nơi đã cùng Giao Tiên gặp gỡ ngày trước. Vì là hạng người đa tình đa cảm nên chàng hết sức cảm động khi thấy lại dấu thơ để trên vách hoặc khi bước qua cái sân rêu, nơi mà chàng đã cùng Giao Tiên thề bồi nguyện ước. Nỗi lòng tràn ngập, nhớ nhung tha thiết, chàng trách “ai” đã làm cho duyên kiếp lỡ làng và phải cam chịu tiếng phụ bạc với tình nhân.

Văn chương đoạn này uyển chuyển lưu loát, nhất là khi tả cảnh vườn Dương Giao Tiên. Cách tả không rườm rà, chỉ nêu lên những chi tiết đặc sắc làm cho ta chú ý đến tính cách vắng vẻ tiêu điều của một vài vườn thiếu chủ:

*Lơ thơ cây cối cảnh non
Rêu in cầu đá, tuyết mòn lối thom.
Lầu thơ khói tỏa mây trùm,
Chòi sai thưa bẻ, khóm sòan vắng via.*

Đến khi được tin gia đình họ Dương đã thăng kinh, tâm hồn sầu muộn của Lương Sinh làm cho chàng thấy mọi vật đều quanh hiu tàn tạ:

*Bản khoán đến trước đình Ba,
Lương không yển đở, song tà nhện giăng.*

Cái nhìn ử rữ và thương nhớ của Lương Sinh dừng lại những nơi mà chàng cùng Giao Tiên đã cùng nhau gặp gỡ ngày trước mà nay vẫn còn phảng phất hình bóng của nàng:

*Dấu thơ vách hầy dăng dăng,
Xã thơ cách mấy mươi từng người thơ,
Hiên cài lác đác sao thưa,
Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng.*

Lời thơ đoạn này có vẻ êm dịu, thấm nhuần tình cảm nhớ nhung tha thiết của Lương Sinh. Tác giả có biệt tài đặt những câu thơ gọn ghẽ mà ý nghĩa rất súc tích. Sau đây là một ít câu đơn cử làm ví dụ: *Trời thu ba cũ, doanh Thương một ngày*, là dịch câu: “*Nhất nhật bất kiến như tam thu hề*” (một ngày không thấy bằng ba thu) hoặc như câu:

*Sông nguyên bể dạn trùng trùng
Phụ phàng nọ những thẹn thùng nước non.*

Chữ *nguyên* và *dạn* là hai động từ dùng làm tiếng bổ túc cho hai tiếng danh từ *sông* và *bể*. Chính cách ghép chữ ấy làm cho câu thơ có ý nghĩa súc tích; sông và bể là những cảnh Lương Sinh thấy dọc đường, những cảnh ấy nhắc cho chàng những lời thề ước (*sông nguyên, bể dạn*) và làm cho chàng lo lắng thẹn thùng vì đã phụ bạc.

Để nói rằng Lương Sinh nhìn thấy đóa hoa, cảnh liễu mà nhớ lại vẻ mặt xinh tươi của Giao Tiên, tác giả dùng hai câu:

*Mây dương liễu, mặt phù dung
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh ly.*

Ý câu thơ là để so sánh, mà chữ dùng lại nhắc lại những chữ trong câu thơ: “*Phù dung như diện, liễu như mi*” của Bạch Cư Dị.

Cách đặt câu như thế chứng tỏ rằng tác giả đã sử dụng một bút pháp rất tinh luyện và trí xảo, chỉ có thể tìm thấy ở những nhà thơ sắc sảo và già dặn.